

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

-----*-----

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST

Ngày 06 tháng 3 năm 2018

V/v " ly hôn"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----*-----

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy
- Các hội thẩm nhân dân:
 - 1. Ông Huỳnh Thanh Trà
 - 2. Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Ngân - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly Na - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 236/2017/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-DS ngày 15.01.2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06.02.2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1961 (có mặt)

* Bị đơn: Ông Trương M, sinh năm: 1955 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 16 đường L, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V và ông Trương M kết hôn vào năm 1985 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại số 11 đường L, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Đến năm 1988 vợ chồng chuyển về sống tại số 16 đường L, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng cho đến nay.

Vợ chồng ông bà sống đến năm 1996 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình ông M gia trưởng, ít giành thời gian quan tâm đến gia đình, trong gia đình thường xuyên xảy ra cãi vã gây bất hòa. Nhiều lần được hai bên gia đình góp ý khuyên bảo xây dựng nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng

vẫn không khắc phục được. Nay bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương M.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Trương Thị Vân A - Sinh ngày 22.02.1987 và Trương Tuấn A - Sinh ngày: 29.10.1995. Hiện nay các con chung đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân quận Hải Châu đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải, giấy triệu tập cho ông Trương M để lấy lời khai và tham gia hoà giải nhưng ông Trương M đều không có mặt không có lý do. Ngày 27.11.2017 ông Trương M có gửi ý kiến trình bày như sau:

Sau khi nhận được thông báo của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng về việc vợ ông là bà Nguyễn Thị V nộp đơn đến Tòa xin ly hôn với ông, ông có ý kiến như sau:

- Ở độ tuổi đang nghỉ hưu, bản thân ông không hề muốn ly hôn xảy ra.

- Vợ chồng đã chung sống trên 30 năm, có những mâu thuẫn bất hòa do nhiều nguyên nhân trong đó có phần thuộc về bản thân ông, ông cũng tự nghiêm khắc xem lại mình.

- Bản thân ông muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vợ ông quyết tâm đơn phương nộp đơn ly hôn ông chấp nhận mọi lý do vợ ông đưa ra. Để đáp ứng yêu cầu của bà V xin được ly hôn nhằm đạt được mục đích yêu cầu và nguyện vọng riêng của vợ ông ông chấp nhận ly hôn vô điều kiện. Đề nghị Tòa án giải quyết giải quyết đơn ly hôn theo luật định và ông xin được vắng mặt trước tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của bà Nguyễn Thị V đối với ông Trương M.

* *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị V.

* *Về con chung*: Hai con chung tên Trương Thị Vân A - Sinh ngày 22.02.1987 và Trương Tuấn A - Sinh ngày: 29.10.1995. Hai con chung đã thành niên nên không đề cập giải quyết

* *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong suốt quá trình tố tụng ông Trương M vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, ông Trương M là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trương M.

[2] Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Nguyễn Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn đối với bị đơn là ông Trương M. Về con chung bà V xác định vợ chồng có hai con chung tên Trương Thị Vân A - Sinh ngày 22.02.1987 và Trương Tuấn A - Sinh ngày: 29.10.1995. Hiện nay các con chung đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không đề nghị Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về nội dung:* Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị V đối với ông Trương M, HĐXX thấy: Bà Nguyễn Thị V và ông Trương M kết hôn vào năm 1985 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo lời trình bày của bà V thì sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 1996 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà V trình bày là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, to tiếng, ông M gia trưởng ít giành thời gian quan tâm đến gia đình, trong gia đình thường xuyên xảy ra cãi vã gây bất hòa. Ông M cũng thừa nhận vợ chồng đã chung sống trên 30 năm, có những mâu thuẫn bất hòa do nhiều nguyên nhân trong đó có phần thuộc về bản thân ông, Nay bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương M. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần mở phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho bà V, ông M có cơ hội đoàn tụ nhưng ông M đều không có mặt, chứng tỏ ông M cũng không tha thiết hàn gắn lại mối quan hệ hôn nhân với bà V. Ngoài ra ông M cũng đồng ý ly hôn với bà V và đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt ông. Như vậy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX nghĩ cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V đối với ông M là phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình Việt Nam.

[4] *Về quan hệ con chung:* Vợ chồng có 02 con chung tên là Trương Thị Vân A - Sinh ngày 22.02.1987 và Trương Tuấn A - Sinh ngày: 29.10.1995. Hiện nay các con chung đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó HĐXX không xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của bà Nguyễn Thị V đối với ông Trương M. Bà Nguyễn Thị V được ly hôn đối với ông Trương M; Con chung, tài sản chung và nợ chung không giải quyết là có cơ sở nên cần được chấp nhận.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Nguyễn Thị V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.
- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của bà Nguyễn Thị V đối với ông Trương M.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V được ly hôn với ông Trương M.

1.2. Về con chung: vợ chồng có hai con chung tên Trương Thị Vân A - Sinh ngày 22.02.1987 và Trương Tuấn A - Sinh ngày: 29.10.1995. Hiện nay các con chung đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị V phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị V đã nộp tại biên lai thu số 009782 ngày 10.10.2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị V đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKS Hải Châu
- Chi cục THADSquận Hải Châu.
- UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam
- Lưu hồ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Thuý

